

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH THẠNH
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

Bản án số 26/2017/DS-ST

Ngày 20/9/2017

*“V/v tranh chấp quyền sử dụng đất
(ranh giới đất)”*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THẠNH, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Bảo Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Ngô Thị Phương Trang

2/ Bà Đoàn Sơn Lâm

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thạnh – Thành phố Cần Thơ
tham gia phiên tòa:** Bà Lê Thị Kim Loan - Kiểm sát viên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Hạnh - Thư ký Tòa án.

Ngày 20 tháng 9 năm 2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 08/2016/TLST- DS ngày 19/01/2016 về việc “tranh chấp quyền sử dụng đất (ranh giới đất)”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2017/QĐXX – DS ngày 05/9/2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

Bà Đặng Thị K, sinh năm 1929 (chết ngày 29/11/2016)

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà K:

1. 1/ Bà Trần Thị Kim C, sinh năm 1954

Nơi cư trú: Xã L, huyện V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

1. 2/ Bà Trần Thị Kim X, sinh năm 1955

Nơi cư trú: Xã V, huyện VT, thành phố Cần Thơ

1.3/ Bà Trần Kim H, sinh năm 1959

Nơi cư trú: Xã T, huyện VT, thành phố Cần Thơ

1.4/ Bà Trần Kim T, sinh năm 1962

Nơi cư trú: Xã V, huyện VT, thành phố Cần Thơ

1.5/ Bà Đặng Kim H, sinh năm 1966

Nơi cư trú: Xã V, huyện VT, thành phố Cần Thơ

1.6/ Ông Đặng Văn M, sinh năm 1968

Nơi cư trú: Xã V, huyện VT, thành phố Cần Thơ

1.7/ Bà Đặng Thị T, sinh năm 1970

Nơi cư trú: Xã S, huyện T, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

1.8/ Ông Trần Hữu N, sinh năm 1984

Nơi cư trú: Xã V, huyện VT, thành phố Cần Thơ

1.9/ Ông Trần Hữu V, sinh năm 1984

Nơi cư trú: Xã V, huyện VT, thành phố Cần Thơ

1.10/ Bà Trần Thị Kim H, sinh năm 1986

Nơi cư trú: Thị trấn D, huyện P, tỉnh Kiên Giang

(ông Lê Văn M là người đại diện theo ủy quyền cho tất cả những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà K).

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà K: Luật sư Trần Quốc Dũ – Văn phòng luật sư Thịnh Quốc, thuộc Đoàn luật sư thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn:

2.1/ Bà Trần Thị Kim L, sinh năm 1972

Người đại diện hợp pháp cho bà L: Ông Ngô Văn P, sinh năm 1962 (theo văn bản ủy quyền ngày 01/02/2016)

2.2/ Ông Lê Văn Đ, sinh năm 1954

Cùng nơi cư trú: Xã V, huyện VT, thành phố Cần Thơ

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà L và ông Đ: Luật sư Lưu Ngọc Tuấn – Văn phòng luật sư Lưu Ngọc Tuấn, thuộc Đoàn luật sư thành phố Cần Thơ.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1 NLQ1

3.2. NLQ2

3.3 NLQ3.

Người đại diện theo ủy quyền cho NLQ3: Ông Nguyễn Văn Đ - Phó Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ (theo văn bản ủy quyền ngày 08/9/2016).

(ông M, ông Đ, ông P, NLQ1, Đặng Kim H và Trần Thị Kim H có mặt tại phiên tòa, các đương sự khác vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại Đơn khởi kiện ngày 16/12/2015 của bà Đặng Thị K; Đơn khởi kiện bổ sung ngày 02/01/2017 của những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà K và lời khai của ông Lê Văn M – người đại diện cho những người thừa kế của bà K trong quá trình tố tụng:

Bà Đặng Thị K (mất ngày 29/11/2016) là chủ sử dụng thửa đất số 145, diện tích 162m², loại T, tờ bản đồ số 04, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 000444, cấp ngày 02/12/1994. Đất tọa lạc tại xã V, huyện TN, Cần Thơ cũ nay là huyện VT, thành phố Cần Thơ. Gia đình của bà K đã ở trên thửa đất 145 từ năm 1975. Quá trình ở, nhà bị hư hỏng nên có sửa chữa vài lần, lần sửa gần nhất vào năm 1998 nhưng không ai tranh chấp gì về ranh giới đất.

Năm 2015, gia đình bà K chụp ảnh căn nhà thể hiện những phần nhà bị hư hỏng để xin phép sửa lại và được chính quyền địa phương đồng ý cho phép sửa nhà theo hiện trạng. Gia đình bà K tháo dỡ khoảng 2/3 căn nhà là phần bị hư hỏng để sửa trước, khoảng 1/3 phần nhà còn lại dùng để ở tạm trong thời gian sửa nhà. Tuy nhiên, khi tiến hành sửa nhà, mặc dù không coi nói, vẫn làm lại nhà trên vị trí nền cũ nhưng bị hai hộ là bà Trần Thị Kim L và ông Lê Văn Đ ra tranh cãi và cho rằng, gia đình bà K lấn chiếm đất của các ông bà, buộc phải dừng việc làm nhà nên xảy ra tranh chấp. Qua kết đo đạc thực tế, xác định phần đất có tranh chấp với bà L diện tích 7,2m² và ông Đ diện tích 19,9m². Nay bà K đã chết, các thừa kế của bà yêu cầu bà L và ông Đ phải chấm dứt hành vi cản trở, bao chiếm đất trái phép làm ảnh hưởng đến việc sử dụng đất của gia đình bà K đối phần đất nêu trên.

- Ông Ngô Văn P là người đại diện theo ủy quyền cho bị đơn bà Trần Thị Kim L, đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

Hộ bà Trần Thị Kim L là chủ sử dụng đất thửa 1876, diện tích đất 100m² (LNK), theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00501, cấp ngày 12 tháng 01 năm

2004 (nằm phía sau thửa đất 145 của gia đình bà K). Đất này do nhận chuyển nhượng của bà Đỗ Thị Thu Thủy vào năm 2004.

Quá trình gia đình bà K sử dụng đất, có lấn ra phía sau hậu nhưng lúc đó không nhớ năm nào, gia đình của bà K có hỏi ý kiến của ông để được cất nhà coi nói thêm phần đất phía sau hậu (mặt tiền thửa đất của bà L đứng tên) nên ông và bà L không tranh chấp khi gia đình bà K sử dụng đất.

Thời gian sau này năm 2016, khi phát hiện ông Lê Văn M (con rể của bà K) chuẩn bị cất lại nhà kiên cố trên phần đất của bà L đứng tên (phần đang tranh chấp) nên gia đình ông mới tranh chấp và ông M ngưng việc xây nhà lại.

Nay hộ bà L không thống nhất cho gia đình bà K sử dụng diện tích đất tranh chấp qua đo đạc thực tế là $7,2m^2$, bởi vì đất này nằm trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ bà L.

- Bị đơn ông Lê Văn Đ trình bày:

Ông và vợ là bà NLQ1 đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH01053, cấp ngày 04 tháng 10 năm 2011, diện tích đất $435m^2$ (loại LNK), thuộc thửa 335, tờ bản đồ số 4 (nằm phía sau thửa đất 145 của gia đình bà K). Đất này do nhận chuyển nhượng của ông Võ Đức Tuấn vào năm 2011.

Theo ông được biết, hiện trạng Quốc lộ 80 trước đây là nhỏ hơn so với thời điểm hiện tại nhưng không rõ là bao nhiêu mét. Nhà nước mở rộng Quốc lộ 80 một lần vào năm 1996 (mở rộng về phía trên lộ, phía giáp sông Cái Sắn thì không mở rộng) chiều sâu 3,5m, vì ông sinh sống ở ngang phần đất tranh chấp nên biết rõ.

Giấy đất của bà K được cấp vào năm 1994, mở rộng lộ là năm 1996, nên gia đình bà K cũng được đền bù khi Nhà nước thu hồi đất để mở rộng lộ. Như vậy, diện tích đất của bà K (phần mặt tiền) phải bị giảm.

Theo đơn của bà K trình bày, nhà của bà K được sửa lại lần sau cùng là vào năm 1998, theo ông thì việc sửa chữa nhà lần này là có lấn ra sau hậu (phần mặt tiền đất của ông hiện tại) nhưng thời điểm đó thì ông chưa mua đất của ông Võ Đức Tuấn nên không tranh chấp.

Ông và vợ của ông là bà NLQ1 không thống nhất cho bà K sử dụng diện tích đất tranh chấp khi đo đạc lại lần sau xác định là $19,9m^2$, phần đất này nằm trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông được cấp, không phải đất mương công cộng của Nhà nước.

- Bà NLQ1 là vợ của ông Lê Văn Đ thống nhất theo lời trình bày của ông Đ về việc không thống nhất cho gia đình bà K sử dụng phần đất phía sau thửa đất số 145 của gia đình bà K, diện tích 19,9m².

- Ông Nguyễn Văn Đ là người đại diện theo ủy quyền cho NLQ3 trình bày ý kiến tại Bản tự khai ngày 14/12/2016 và ngày 22/5/2017:

Thửa đất số 145, diện tích 162m², loại T, tờ bản đồ số 04, xã V, huyện TN, Cần Thơ cũ nay là huyện VT, thành phố Cần Thơ do bà Đặng Thị K kê khai đăng ký trên sổ Mục kê đất đai lập vào năm 1989 – 1990. Được Ủy ban nhân dân huyện TN (cũ) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 000444, cấp ngày 02/12/1994 cho bà Đặng Thị K.

Theo ghi nhận tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho bà K thửa đất số 145, diện tích 162m² (T), với thời hạn sử dụng đất 10 năm là không phù hợp với quy định của pháp luật về đất đai đối với thời hạn sử dụng đất thổ cư. Nếu là đất tạm giao thì Ủy ban sẽ thu hồi. Tuy nhiên, trong giấy đất không ghi rõ là đất tạm giao, mà ghi thời hạn là 10 năm là không phù hợp với quy định.

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00501, cấp ngày 12/01/2004 cho hộ bà Trần Thị Kim L tại thửa 1876, diện tích 100m² (LNK), tờ bản đồ số 04, ấp Vĩnh Qui, xã Vĩnh Trinh, huyện VT, thành phố Cần Thơ. Trong đó, phần diện tích nằm trong hành lang lộ giới Quốc lộ 80 không cấp.

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH01053, cấp ngày 04/10/2011 cho ông Lê Văn Đ và vợ là bà NLQ1 tại thửa 335, diện tích 435m² (CLN), tờ bản đồ số 04, ấp Vĩnh Qui, xã Vĩnh Trinh, huyện VT, thành phố Cần Thơ. Trong đó, phần diện tích nằm trong hành lang lộ giới Quốc lộ 80 không cấp.

Tại phiên tòa, phía bị đơn ông Lê Văn Đ cung cấp thêm bản sao Biên bản chi trả tiền đền bù giải tỏa và hỗ trợ di dời mặt bằng thi công Quốc lộ 80 (tuyến Lộ Tẻ - Kinh B) TN, Cần Thơ, lập ngày 04/01/1996 của Phân khu quản lý đường bộ 73 trực thuộc khu quản lý đường bộ 7, nội dung văn bản này, bà Đặng Thị K bị thu hồi 17,9m² để giải tỏa di dời mặt bằng Quốc lộ 80.

Các bị đơn ông Đ, bà L (có đại diện là ông P) thống nhất cho gia đình bà K được sử dụng 7,1m² trong tổng số diện tích đất có tranh chấp 27,1m² (bề hậu đất bà K được kéo dài ra sau thêm khoảng 0,5m). Còn phía nguyên đơn vẫn giữ nguyên ý kiến yêu cầu được công nhận toàn bộ diện tích đất tranh chấp 27,1m².

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp cho các thừa kế của bà K cho rằng:

Gia đình của bà K đã sử dụng thửa đất 145 ổn định từ năm 1975, qua các lần sửa chữa nhà, không ai tranh chấp, khiếu nại. Diện tích đất thửa 145 của bà K đứng tên có chênh lệch so với giấy là do quá trình đo đạc thiếu chính xác. Các bị đơn không bị giảm diện tích đất giữa thực tế sử dụng so với giấy (vì diện tích đất của các bị đơn được cấp là tính luôn đất hành lang lộ giới). Các bị đơn không bị mất đất nhưng lại tranh cãi gia đình nguyên đơn sử dụng đất là không phù hợp. Đề nghị, Hội đồng xét xử công nhận toàn bộ diện tích đất tranh chấp 27,1m² thuộc quyền sử dụng của nguyên đơn.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp cho bà L, ông Đ cho rằng:

Diện tích đất tranh chấp 27,1m² (phần tranh chấp với bà L 7,2m²; ông Đ là 19,9m²) thì các bị đơn thừa nhận chỉ có 7,1m² là thuộc quyền sử dụng của gia đình nguyên đơn, phần còn lại là thuộc hành lang lộ giới. Tuy các bị đơn không được cấp giấy nhưng có ghi nhận phần đất hành lang lộ giới này là của các bị đơn. Diện tích đất của các bị đơn được cấp là chưa bao gồm đất hành lang lộ giới như được nêu tại văn bản của ông Nguyễn Văn Đ (người đại diện theo Ủy quyền cho NLQ3 có ý kiến trả lời cho Tòa án). Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho gia đình nguyên đơn nêu ra, diện tích đất của các bị đơn được cấp bao gồm đất thuộc hành lang lộ giới là không phù hợp. Việc trừ phần đất hành lang lộ giới này đã có từ khi bà Thủy và ông Tôn Tài (chủ đất cũ) được cấp giấy thời điểm trước đây.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: đề nghị chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Công nhận diện tích đất 7,1m² (trong số diện tích đất có tranh chấp 27,1m²) thuộc quyền sử dụng của nguyên đơn. Đình chỉ giải quyết phần diện tích đất còn lại 20m² thuộc hành lang lộ giới Quốc lộ 80, vì không thuộc thẩm quyền của Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Ngày 16/12/2015, nguyên đơn bà Đặng Thị K có đơn khởi kiện bà Trần Thị Kim L, ông Lê Văn Đ về việc yêu cầu bà L, ông Đ phải chấm dứt hành vi bao chiếm, cản trở trái phép việc sử dụng đất của gia đình bà. Vụ án đang được Tòa án thụ lý giải quyết thì đến ngày 29/11/2016, bà K mất. Ông Trần Văn B là chồng bà K cũng đã mất trước bà K. Các con ruột của bà K gồm: bà Trần Thị Kim C, bà Trần Thị Kim X, bà Trần Kim H, bà Trần Kim T, bà Đặng Kim H, ông Đặng Văn M, bà Đặng Thị T, Trần Văn H (đã chết, có các con là Trần Hữu N, Trần Hữu V và Trần Thị Kim H) kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà K theo quy định tại khoản 1 Điều 74 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và tiếp tục có yêu cầu đối với bà L, ông Đ chấm dứt hành vi cản trở sử dụng đất, bao chiếm đất nên được Tòa án xem xét giải quyết theo thủ tục chung.

Ông Nguyễn Văn Đ – người đại diện theo ủy quyền cho NLQ3 có đơn xin xét xử vụ án vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông Đ.

[2] Về nội dung:

Bà Đặng Thị K được Ủy ban nhân dân huyện TN, Cần Thơ cũ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 000444, ngày 02/12/1994, trong đó có thửa đất 145, diện tích 162m², loại T, tờ bản đồ số 04, tọa lạc tại xã V, huyện TN cũ nay là huyện VT, thành phố Cần Thơ. Theo lời trình bày của ông Lê Văn M– người đại diện theo ủy quyền cho các thừa kế của bà K: gia đình bà K ở tại thửa đất 145 từ năm 1975, quá trình sử dụng, nhà bị hư hỏng nên có sửa chữa vài lần. Năm 2015, gia đình bà K tiếp tục tháo dỡ nhà cũ, chuẩn bị làm lại nhà mới trên nền nhà cũ nhưng bị hai hộ có đất ở phía sau là bà Trần Thị Kim L và ông Lê Văn Đ tranh cản, vì cho rằng, việc làm nhà có lấn chiếm qua đất của hai người này nên phát sinh tranh chấp.

[3] Xét thấy, thửa đất 145 của bà K đứng tên, có vị trí: cạnh chiều ngang phía trước tiếp giáp lề đường Quốc lộ 80; cạnh chiều ngang phía sau giáp với đất thuộc phạm vi hành lang lộ giới nhưng phần đất hành lang lộ giới này lại là mặt tiền của các thửa đất: 1876, diện tích 100m² (LNK) do hộ bà Trần Thị Kim L đứng tên và thửa 335, diện tích 435m² (CLN) do ông Lê Văn Đ và vợ là NLQ1 đứng tên (bà L nhận chuyển nhượng thửa đất 1876 của hộ bà Đỗ Thị Thu Thủy vào năm 2003, được Ủy ban nhân dân huyện TN, Cần Thơ cũ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 12/01/2004; ông Đ và bà NLQ1 nhận chuyển nhượng thửa đất 335 của hộ ông

Võ Đức Tuấn vào năm 2011, được NLQ3 cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 04/10/2011).

[4] Theo ghi nhận tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì thửa đất số 1876 của hộ bà L; thửa 335 của vợ chồng ông Đ, bà NLQ1 đều có tiếp giáp phần mặt tiền là đất hành lang lộ giới (tính từ lề Quốc lộ 80 vào sâu 20m). Như vậy, nếu trường hợp, phần đất mặt tiền (hành lang lộ giới) của các thửa đất 1876 và 335 bị người khác lấn chiếm, sử dụng làm nhà ở trái phép thì cũng làm ảnh hưởng đến quyền lợi của người có đất liền kề phía sau (giáp đất mặt tiền thuộc hành lang lộ giới) nên các bị đơn tranh cãi việc gia đình nguyên đơn làm nhà cũng có lý do.

[5] Theo tài liệu, chứng cứ được thu thập có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Quốc lộ 80 trước thời điểm năm 1994 (thời điểm bà K được xác lập quyền sử dụng đất) có chiều rộng bình quân là 5,5m. Đến năm 1996, Nhà nước có chủ trương mở rộng bề mặt và nền đường Quốc lộ 80 và hộ bà Đặng Thị K đã bị thu hồi một phần diện tích đất tại thửa 145 là $17,9\text{m}^2$ như thể hiện tại Biên bản chi trả tiền đền bù giải tỏa và hỗ trợ di dời mặt bằng thi công Quốc lộ 80 (tuyến Lộ Tẻ - Kinh B) TN, Cần Thơ, lập ngày 04/01/1996 của Phân khu quản lý đường bộ 73 trực thuộc khu quản lý đường bộ 7. Theo kết quả đo đạc thực tế thì gia đình của bà K đang sử dụng thửa đất 145 (không tính diện tích tranh chấp) là 137m^2 , cộng diện tích đất bị thu hồi để mở rộng Quốc lộ 80 là $17,9\text{m}^2$ nên tổng cộng là $154,9\text{m}^2$, còn chênh lệch thiếu so với diện tích đất được cấp theo giấy chứng nhận là $7,1\text{m}^2$. Trong khi đó, phần diện tích đất mà nguyên đơn tranh chấp với hộ bà L là $7,2\text{m}^2$; hộ ông Đ và bà NLQ1 là $19,9\text{m}^2$, tổng cộng là $27,1\text{m}^2$. Trong số diện tích đất $27,1\text{m}^2$ có tranh chấp này thì chỉ có $7,1\text{m}^2$ là thuộc thửa đất 145 (trong tổng số 162m^2), phần diện tích đất còn lại là hành lang lộ giới Quốc lộ 80 và nằm ở vị trí mặt tiền của các thửa đất 1876 của hộ bà L và thửa 335 của vợ chồng ông Đ, bà NLQ1 đứng tên chủ sử dụng (được thể hiện tại sơ đồ thửa đất trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của các bị đơn). Gia đình nguyên đơn xây nhà trên diện tích đất trong đó có phần thuộc hành lang an toàn giao thông đường bộ là trái với quy định tại khoản 2 Điều 8 của Luật giao thông đường bộ.

Từ những tình tiết, chứng cứ nêu trên, xét lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa và luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các bị đơn nêu ra về việc chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc công nhận cho gia đình nguyên đơn được sử dụng $7,1\text{m}^2$ trong số diện tích đất tranh chấp $27,1\text{m}^2$ (đảm bảo đủ

cho gia đình nguyên đơn sử dụng diện tích 162m² tại thửa 145 theo giấy đất của bà K được cấp) như đã phân tích ở phần trên là có cơ sở.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Đây là vụ án tranh chấp quyền sử dụng đất, Tòa án chỉ xem xét giải quyết công nhận quyền sử dụng đất thuộc về ai mà không xem xét giá trị tài sản. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn (và các thừa kế của nguyên đơn) được chấp nhận một phần nên các thừa kế của nguyên đơn và các bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 17 của Nghị quyết số 01/2012/NQ-HĐTP ngày 13 tháng 6 năm 2012 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao và Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội có hiệu lực ngày 01/7/2009.

[7] Về chi phí thẩm định, định giá tài sản: Để thực hiện việc thẩm định, định giá tài sản tranh chấp qua các lần số tiền 6.890.000đồng (bao gồm chi phí nhận bản vẽ), các đương sự đã tạm nộp để thực hiện: Bà K 2.540.000đồng; ông Đ 2.349.000đồng; bà L 2.000.000đồng. Nay yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn (và các thừa kế của nguyên đơn) được chấp nhận một phần nên các thừa kế của nguyên đơn, ông Đ và bà L mỗi người phải chịu theo quy định tại Điều 165 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 74, Điều 147, 165, khoản 1 Điều 228, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 163, 164 và 169 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Điều 166, 203 của Luật đất đai năm 2013;

Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội có hiệu lực ngày 01/7/2009;

Nghị quyết số 01/2012/NQ-HĐTP ngày 13 tháng 6 năm 2012 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

Tuyên án:

1/ Chấp nhận một phần yêu cầu của các thừa kế của nguyên đơn về việc tranh chấp quyền sử dụng đất đối với các bị đơn.

1.1/ Xác định 7,1m² (*phần tranh chấp với bà Trần Thị Kim L là 1,9m²; ông Lê Văn Đ là 5,2m²*) trong tổng số diện tích đất có tranh chấp 27,1m² thuộc quyền sử dụng

của các thừa kế của bà Đặng Thị K (đã chết ngày 29/11/2016) gồm các ông bà: bà Trần Thị Kim C, bà Trần Thị Kim X, bà Trần Kim H, bà Trần Kim T, bà Đặng Kim H, ông Đặng Văn M, bà Đặng Thị T, Trần Văn H (đã chết, có các con là Trần Hữu N, Trần Hữu V và Trần Thị Kim H) có kích thước cụ thể:

Cạnh chiều ngang tính từ điểm tiếp giáp thửa đất 146 đo qua tiếp giáp thửa đất 144 có các số đo: 3,46m + 4,53m + 5.0m;

Cạnh chiều ngang phía sau (tiếp giáp đất thuộc hành lang lộ giới Quốc lộ 80) tính từ điểm tiếp giáp thửa đất 146 đo qua tiếp giáp thửa đất 144 có các số đo 3,4m + 4,6m + 5.0m;

Cạnh bề hậu (giáp thửa đất 144), tính từ điểm tiếp giáp thửa đất 145 (phần không có tranh chấp) đo ra phía sau là 0,54m;

Cạnh bề hậu giáp thửa đất 146, tính từ điểm tiếp giáp thửa đất 145 (phần không có tranh chấp) đo ra phía sau là 0,55m;

Đất thuộc thửa 145, diện tích 162m², loại T, tờ bản đồ số 04, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 000444, cấp ngày 02/12/1994, do bà Đặng Thị K đứng tên, tọa lạc tại xã V, huyện VT, thành phố Cần Thơ (*Kèm Mạnh trích đo địa chính của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện VT, thành phố Cần Thơ*).

1.2/ Xác định phần đất 20m² (*phần giáp thửa 1876 của bà L diện tích 5,3m²; phần giáp thửa 335 của ông Đ, bà NLQ1 là 14,7m²*) trong số diện tích đất tranh chấp 27,1m² thuộc hành lang lộ giới Quốc lộ 80 (đất công cộng) và các đương sự chưa ai được cấp quyền sử dụng. Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết phần diện tích đất này vì không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Buộc hộ bà Trần Thị Kim L, ông Lê Văn Đ chấm dứt hành vi cản trở việc các thừa kế của bà Đặng Thị K sử dụng phần diện tích đất 7,1m² trong tổng số diện tích đất 27,1m² có tranh chấp như nêu trên.

2/ Về án phí sơ thẩm dân sự:

Buộc các thừa kế của bà Đặng Thị K gồm: bà Trần Thị Kim C, bà Trần Thị Kim X, bà Trần Kim H, bà Trần Kim T, bà Đặng Kim H, ông Đặng Văn M, bà Đặng Thị T, Trần Văn H (đã chết, có các con là Trần Hữu N, Trần Hữu V và Trần Thị Kim H) phải liên đới chịu 200.000đồng án phí.

Tiền tạm ứng án phí 200.000đồng theo biên lai thu tiền số 009270 ngày 15/3/2017 mà các ông bà Chi, Xuyên, Hạnh, Thanh, Huệ, Minh, Tâm, Nhẫn, Vui và